

Từ góc độ chuyển dịch ngành nghề, Việt Nam có cơ hội trở thành Hàn Quốc hoặc Đài Loan tiếp theo. Cuộc đời sống thặng dư giữa Trung Quốc và Mỹ chính chính thúc đẩy chuỗi tái cấu trúc ngành nghề và chuyển dịch ngành nghề trên toàn cầu, Việt Nam có ưu thế tiếp nhận ngành nghề hơn so với các quốc gia khu vực.



Trong trờc sỏ thay đỏi cờa nỏn kinh tế thỏ giỏi , Việt Nam đang đỏn khỏng đỏnh đỏi vỏ thỏ cờa mình trên thỏng trỏng và trong khu vỏc thỏng qua quá trình chuyỏn đỏi ngành nghề toàn cờu.

Nhỏng nỏm gỏn đây, Việt Nam đang đỏn lỏt vào tỏm ngỏm cờa thỏ giỏi. Bỏn tháng đỏi nỏm 2019, tỏng kim ngỏch xuỏt nhỏp khỏu cờa Việt Nam đỏi 154,6 tỏ USD, bỏng mỏt nỏa cờa tỏnh Quỏng ỏng (Trung Quỏc). Tỏng kim ngỏch xuỏt khỏu đỏin thỏi di đỏng cờa Việt Nam chỉm đỏn 1/10 thỏ phỏn toàn cờu, cỏ thỏ là cỏ 10 chỉc đỏin thỏi di đỏng trên thỏ giỏi thì có 1 chỉc đỏic sỏn xuỏt tỏi Việt Nam.

Nỏm 1990, GDP bình quân đỏi ngỏi cờa Việt Nam chỉ đỏi mỏc 96 USD. Nỏm 2017, GDP bình quân đỏi ngỏi cờa Việt Nam đã đỏi hỏn 2.300 USD. Nỏm 1990, GDP bình quân đỏi ngỏi cờa Malaysia gỏp 25 lỏn Việt Nam, còn Philippines gỏp 8 lỏn Việt Nam. Nỏm 2015, khỏng cách này đã bỏ thu hỏp, Malaysia chỉ còn gỏp 4,6 lỏn, Philippines gỏp 1,4 lỏn Việt Nam.

Tỏc đỏi tỏng trỏng tỏng sỏn phỏm quỏc nỏi (GDP) cờa Trung Quỏc trong nỏm 2018 là 6,6%, ỏn ỏỏ là 7,4%, còn Việt Nam đỏi 7,08%. Tỏc đỏi tỏng trỏng GDP cờa Việt Nam đã vỏt Trung Quỏc, trỏ thành quỏc gia có tỏc đỏi tỏng trỏng nhanh thỏ hai ỏ châu Á. 20 nỏm qua, tỏc đỏi tỏng trỏng kinh tế cờa Việt Nam đỏi duy trì ỏ mỏc trên 5%, trỏ thành mỏt trong nhỏng quỏc gia mỏi nỏi có tỏc đỏi tỏng trỏng kinh tế nhanh nhỏt và ỏn đỏnh nhỏt.

Ngày 19/2/2019, trong cuỏc làm viỏc vỏi Bỏ Kỏ hoỏch và ỏu tỏ, Thỏ tỏng Nguyỏn Xuân Phỏc đã công bỏ tỏm nhỏn quỏc gia đỏn nỏm 2045 (kỏ niỏm 100 nỏm thành lỏp nỏc), vỏ viỏc Việt Nam sỏ phát triỏn thành quỏc gia có thu nhỏp cao. Thỏ tỏng Nguyỏn Xuân Phỏc đã chia tỏm nhỏn chung cờa Việt Nam thành hai giai đỏn chỉn lỏc: Giai đỏn thỏ nhỏt, đỏn nỏm 2030, thu nhỏp bình quân đỏi ngỏi phỏi đỏi 18.000 USD, thuỏc nhóm các nỏc có thu nhỏp trung bình cao. Giai đỏn thỏ hai nhỏn đỏp kỏ niỏm 100 nỏm thành lỏp nỏc, Việt Nam phỏi trỏ thành quỏc gia, thỏnh vỏng và hỏnh phỏc, gia nhỏp nhóm nỏc có thu nhỏp cao. Thỏi đỏim Thỏ tỏng Nguyỏn Xuân Phỏc đỏa ra mỏc tiêu này cỏng là thỏi đỏim đỏin ra cuỏc gỏp Trump-Kim, Việt Nam đã nỏm bỏt cỏ hỏi này đỏi thỏ hiỏn vỏi thỏ giỏi tỏm nhỏn đỏi mỏi mỏ cờa và sỏ phát triỏn nhanh chóng.

Trong k ng nguyên toàn c u h a, Vi t Nam ti p t c m  c a ra bên ngoài, tích c c h i nh p tr t t  qu c t , t n d ng th i k  đ c bi t c a quan h  Trung-M , giành l y l i  ch lan t a t  s  chuy n d ch ngành ngh  trên toàn c u, và s  t ng tr ng nhanh chóng c a ngành s n xu t và n n kinh t .

N m 2018, GDP c a Vi t Nam l  242,5 t  USD, t ng đ ng v i GDP c a t nh S n Tây, b ng 1/5 GDP c a t nh Qu ng  ng (Trung Qu c). Hi n nay, GDP bình qu n đ u ng i c a Vi t Nam ch  b ng 1/4 c a Trung Qu c, nh ng n u duy trì đ c t c đ  t ng tr ng hi n nay, trong 10 n m t i, GDP bình qu n đ u ng i c a Vi t Nam s  đ t đ n m c c a Trung Qu c hi n nay.

Vi t Nam g n nh  ch c ch n s  v t qua 4 con h  châu   (Th i Lan, Malaysia, Philippines v  Indonesia). Li u Vi t Nam, c  th  tr  thành m t qu c gia phát tri n nh n d p 100 n m thành l p n c nh  nh  l nh đ o Vi t Nam t ng mong đ i hay kh ng?

 i m i m  c a, m t qu c gia khao khát h i nh p tr t t  qu c t 

Vi t Nam t ng ch u nhi u  u kh  v  chi n tranh trong qu  kh , th ng b  r i v o cu c đ  s c gi a các n c l n. V o nh ng n m 1980, cu i c ng Vi t Nam đ  c  h i phát tri n đ c l p t  ch .

Th ng 12/1986,  i h i khóa VI  ng C ng s n Vi t Nam đ c t  ch c, ch nh th c đ a ra ch nh s ch đ i m i m  c a, ch  tr ng phát tri n kinh t  th  tr ng v  ch nh s ch m  c a v i bên ngoài. Tuy nhi n, trong 10 n m đ u, con đ ng đ i m i m  c a c a Vi t Nam kh ng đ c thu n l i nh  Trung Qu c. Sau nh ng n m 1980 v  trong su t nh ng n m 1990, các nh  l nh đ o Vi t Nam đ  c  nh ng tranh c i quy t li t v  đ ng l i phát tri n, c i c ch đ ng di n ra ch m ch p v  tr ng l p, l m phát lu n   m c cao, kinh t  t ng tr ng ch m. Nh ng n m 1990 đ c Vi t Nam coi l  10 n m b o v  ch  ngh a x  h i, s  phát tri n kinh t  v n tr  tr  v  các cu c đ  s c ch nh tr . Tuy nhi n, trong 10 n m đ , Vi t Nam v n c  m t s  th  nghi m v  c i c ch theo đ nh h ng th  tr ng.

Vi t Nam   ph  v  ch  th  s n xu t và tiêu th  c a n n kinh t  k  ho ch, thúc  y doanh nghi p nh  n c chuy n  i th n ch  th  th  tr ng t  ch u tr ch nhi m v  l i nhu n và thua l , x a b  vi c ki m so t gi ,  p  ng c  ch   nh gi  th  tr ng h ng h a, cho ph p ng n h ng t  nh n, ng n h ng c  ph n và ng n h ng nh  n c c ng ph t tri n, chuy n giao  t n ng nghi p cho n ng d n, thúc  y t  h u h a  t  i.

Th ng 4/2001,  i h i khóa IX c a  ng C ng s n Vi t Nam  c t  ch c,  ng N ng  c M nh  c b u l m T ng B  th  thay  ng L  Kh  Phi u. Sau khi l n nh m ch c, T ng B  th  N ng  c M nh    y m nh ch nh s ch c i c ch trong c c l nh v c kinh t , ch nh tr . Do  , Vi t Nam  t  c nhi u th n t u trong  i m i, m  c a, kinh t  t ng tr ng nhanh. N n kinh t  Vi t Nam  c  y m nh theo h ng h i nh p qu c t . V  ngo i giao, Vi t Nam   x c  nh 3 m c ti u l n: t c c c h i nh p qu c t , ph t tri n quan h  v i n c l n và ph t tri n quan h  l ng gi ng.

M t ch nh s ch  i ngo i th n c ng và linh ho t l  chìa khóa cho s  ph t tri n nhanh chóng c a n n kinh t  Vi t Nam. N n kinh t  h ng ngo i l  m t s ch l c quan tr ng cho s  ph t tri n c a nhi u n c nh , th c ch t l   a v o làn s ng toàn c u h a, gi nh l y l i  ch t  th ng m i toàn c u, chuy n  i ngành ngh  th ng qua làn s ng toàn c u h a. Th i Lan, Mexico, Philippines,  i Lo n, Hong Kong  u t ng  c h ng l i nhi u t   i  u  o và ng y nay Vi t Nam c ng kh ng ngo i l .

Sau khi Li n X  tan r , Vi t Nam b t  u  i  u ch nh ch nh s ch ngo i giao, t c c c h i nh p ASEAN và gia nh p t  ch c n y v o n m 1995.  i  u n y   lo i b  c c tr ng  i cho vi c Vi t Nam ph t tri n quan h  v i c c n c l ng gi ng. Sau  , Vi t Nam th c hi n b nh th ng h a quan h  v i M , m i tr ng qu c t  c a Vi t Nam khi  o c  th  n i l  c i m  và h u ngh  ch a t ng c . N m 1998, Vi t Nam tham gia Di n  n h p t c ch u  -Th i B nh D ng (APEC), tr  th n b c ngo t cho s  h i nh p c a Vi t Nam v o c ng  ng qu c t .

Sau khi b c v o th  k  21, Vi t Nam t c c c h i nh p th  tr ng th ng m i t  do toàn c u, l n l t ký 16 hi p  nh th ng m i t  do (FTA) v i c c n c,  c bi t l  v i Li n minh ch u  u (EU), Nh t B n và H n Qu c. Vi c ký k t m t l t hi p  nh th ng m i t  do cho th y quy t t m m  c a v i n c ngo i c a Vi t Nam,  ng th i c ng bu c Vi t Nam ph i  y nhanh c i c ch trong n c.

N m 2006, Vi t Nam ban hành Lu t  u t , tuyên b  th c hi n qu n lý th ng nh t  u t  trong n c và n c ngo i, xóa b  nhi u h n ch  c a Lu t  u t  n c ngo i tr c  , m  c a th  tr ng h n n a. C ng trong n m 2006, Vi t Nam gia nh p T  ch c th ng m i th  gi i (WTO). Sau khi gia nh p t  ch c này, n n kinh t   i ngo i c a Vi t Nam   c  h i phát tri n tuy t v i. Vi t Nam    a ra chi n l c “m  r ng quan h   i ngo i, tích c c và ch   ng h i nh p kinh t  qu c t ”, khuy n kh c phát tri n kinh t  t  nh n. N m 2007, t c   t ng tr ng c a c c  n v  kinh t  ngo i nh  n c c a Vi t Nam v t qua c c  n v  nh  n c, s c s ng c a th  tr ng b t  u  c gi i ph ng, doanh nghi p t  nh n và  u t  n c ngo i  n tr  thành l c l ng quan tr ng trong qu  tr ng t ng tr ng kinh t .

Trong th p ni n  u ti n c a th  k  21, t c   t ng tr ng kinh t  c a Vi t Nam duy trì   m c kho ng 6%.   khu v c ch u  , t c   t ng tr ng này ch   ng sau Trung Qu c và  n  . N m 2001, GDP bình qu n  u ng i c a Vi t Nam ch   t 388 USD, nh ng n m 2008   l n  n 1.024 USD, trong v ng ch a  n 10 n m   th t kh i m c c a c c qu c gia c  thu nh p th p.

N m 2011, sau khi  ng Nguy n Ph  Tr ng  c b u làm T ng B  th , Vi t Nam   t p trung phát tri n kinh t  và m  c a v i b n ngo i. N m 2015,   h i nh p h n n a v o tr t t  qu c t , th c  ng v i c c quy t c th ng m i và  u t  qu c t  nh  Hi p  nh  i t c xuy n Th i B nh D ng (TPP)..., Vi t Nam   s a  i và b  sung tr n ph m vi t ng  i l n  i v i Lu t  u t , ban hành Lu t  u t  m i. Lu t  u t  m i mang  n nhi u  u  i h n cho nh   u t  n c ngo i. Th ng 1/2011, Vi t Nam t  ch c  i h i  ng khóa XI, trong Chi n l c phát tri n kinh t  x  h i giai  o n 2011-2020   n u r   n n m 2020 GDP bình qu n  u ng i ph i  t 3.000 USD, v  c  b n th c hi n công nghi p h a và hi n  i h a.

Do ch u t c  ng c a cu c kh ng ho ng t i ch ng toàn c u n m 2008, t c   t ng tr ng kinh t  c a Vi t Nam c  ph n ch m l i, nh ng nh n chung v n duy trì   m c tr n 5%, c ng là m t trong nh ng qu c gia c  m c t ng tr ng m nh nh t ch u  .

Nh ng n m g n  y, t c   t ng tr ng kinh t  c a Trung Qu c ch m l i, nh ng Vi t Nam v n duy trì   t ng tr ng m nh m . T  n m 2012-2018, t c   t ng tr ng GDP c a Vi t Nam   t ng t  5,03% l n 7,08% và b t  u c  xu h ng d ng l i.

Trước kia, Việt Nam đã nhiều lần làm bia đỡ đạn cho nước lớn, chịu không ít thiệt thòi, nhưng sau Chiến tranh Lạnh, ngoại giao của Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành quả. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 180 quốc gia như Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ, Nga... Cấp độ và bề rộng của ngoại giao của Việt Nam rất rõ ràng, thiết lập quan hệ với những tổ chức láng giềng, đặc biệt là ASEAN, sau đó thiết lập quan hệ hữu nghị với Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và giành được lợi ích trong cuộc đấu sức giữa các nước lớn.

Tháng 7/2013, Việt Nam và Mỹ quyết định nâng cấp quan hệ song phương lên thành quan hệ đối tác toàn diện, một bước đáng kể trong mối với Mỹ. Năm 2018, tiến độ sự và chậm trong quan hệ thương mại Trung-Mỹ, Việt Nam đã được lợi từ sự thay thế thương mại và chuyển dịch ngành nghề. Năm 2019, Việt Nam chính thức tham gia Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), từng bước mở ra các diện trong vòng tròn thương mại Thái Bình Dương, đặc biệt là quan hệ thương mại với Nhật Bản.

Hiện nay, việc Việt Nam thực hiện đồng bộ lợi ích cách đã đạt được những kết quả tốt. Đánh giá quá trình phát triển trong hơn chục năm qua, Việt Nam đã thực hiện rõ mong muốn phát triển mạnh mẽ. Việt Nam là quốc gia có tham vọng, hướng mục tiêu hội nhập toàn cầu hóa, gia nhập trật tự quốc tế, nắm lấy những lợi ích đang mở ra trước mắt, nhanh chóng phát triển đất nước. Lợi ích từ chính sách và toàn cầu hóa có thể thay đổi diện mạo nghèo khổ của Việt Nam trong thời gian ngắn.

Quá trình dân số đang làm thay đổi Việt Nam từ sau những năm 1980

Hiện nay, dân số Việt Nam vào khoảng 95 triệu người, đây là lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế. Do chiến tranh kéo dài, đầu những năm 1980, dân số Việt Nam chỉ có hơn 50 triệu người, trong đó nam giới ít hơn. Những năm 1980 và 1990, Việt Nam chào đón thời kỳ bùng nổ trẻ sinh, dân số tăng nhanh.

Hiện tại, Việt Nam có hơn 54 triệu người đang ở độ tuổi lao động, trong đó phần lớn là người sinh sau những năm 1980 và 1990. Số liệu năm 2017 cho thấy độ tuổi trung bình của dân số Việt Nam là 30,5. Lực lượng công nhân của Việt Nam chỉ bằng 1/3 của Trung Quốc. Do đó, kết cấu dân số của Việt Nam rất có lợi, đặc biệt là quá trình và dân số là vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế hàng ngoại và ngành sản xuất.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là sau hơn 10 năm phát triển, lòng cơ bản của Việt Nam cũng đang tăng lên. Năm 2018, lòng cơ bản của Việt Nam đã tăng 6,5%. Kể từ năm 2016, Chính phủ Việt Nam yêu cầu doanh nghiệp phải đóng báo hiểm cho công nhân, chi phí của doanh nghiệp cũng đang tăng lên. Tuy nhiên, so với Trung Quốc và các nước Đông Nam Á, Việt Nam vẫn có ưu thế nhất định về giá nhân công.

Để giảm chi phí cho doanh nghiệp, Việt Nam đã đưa ra không ít chính sách ưu đãi về thuế. Tháng 10/2016, Bộ Tài chính Việt Nam đã đề trình dự thảo kế hoạch giảm thuế lên Quốc hội, đề xuất giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, miễn khởi nghiệp. Từ năm 2017 đến năm 2020 thuế suất giảm từ 20% xuống 17%. Với điều kiện ưu đãi thuế này, doanh nghiệp có doanh thu hàng năm không quá 100 tỷ đồng có thể được miễn thuế.

Trong thời, Việt Nam cũng học theo Trung Quốc, ra sức phát triển các khu công nghiệp, có nhiều chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Đầu năm 2016, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt kế hoạch xây dựng 3 đặc khu kinh tế, doanh nghiệp ở các khu công nghiệp thuộc đặc khu kinh tế sẽ được miễn giảm thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp..., đồng thời được hưởng ưu đãi tiền thuê đất, phân bổ tín dụng.

Hiện nay, 80% dân số Việt Nam làm nông nghiệp, song thị trường của sản xuất công nghiệp đang tăng nhanh. Khác với Thái Lan và Myanmar, Việt Nam đang đẩy mạnh việc phát triển ngành sản xuất, cũng đang xây dựng đất nước bằng công nghiệp. Cách làm này giống với Trung Quốc và khác với phần lớn các quốc gia Đông Nam Á.

Năm 2018, chỉ số sản xuất công nghiệp của Việt Nam tăng 9,4%, trong đó ngành sản xuất tăng 14,5%, sản xuất và cung cấp điện tăng 9,4%, cung cấp nước và xử lý nước thải tăng 8,7%. Cũng trong năm 2018, Việt Nam đã thu hút được 17 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), hiện nay Nhật Bản và Hàn Quốc đang đầu tư trực tiếp nhiều vào Việt Nam. Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore đã đầu tư vào Việt Nam hơn 4 tỷ USD.

Hi n nay, ngành s n xu t c a Vi t Nam l y th ng m i xu t kh u làm đ nh h ng. Năm 2018, kim ng ch xu t kh u c a Vi t Nam l p k  l c m i 482,2 t  USD, th ng d  th ng m i đ t 7,2 t  USD, đây là n m c  th ng d  m i l n nh t t  tr c đ n nay.

Trung Qu c, Hàn Qu c, M , ASEAN, Nh t B n và Liên minh châu Âu (EU) là 6 th  tr ng xu t kh u chính c a Vi t Nam. M  là th  tr ng xu t kh u l n nh t c a Vi t Nam, nh ng k t c u xu t kh u c a Vi t Nam t ng đ i h p lý, không ph  thu c nhi u vào m t th  tr ng nào đ . Hi n nay, quy m  xu t kh u c a Vi t Nam sang 3 th  tr ng l n là M , EU, Trung Qu c t ng đ i cân b ng. Hàng xu t kh u c a Vi t Nam ch  y u bao g m đ n tho i, thi t b  máy m c và linh ki n thay th , s n ph m đ n t  và linh ki n, hàng d t may, gi y d p, th y s n. Hàng nh p kh u ch  y u là nguyên li u d t may, kim lo i th ng, nh a, gang thép... T  các m t hàng nh p kh u c  th  th y Vi t Nam ch  y u phát tri n các ngành công nghi p s  d ng nhi u s c lao đ ng, phát huy  u th  c a nh n công giá r .

Tuy nhiên, th ng m i hàng gia công c a Vi t Nam hi n nay v n c n t ng đ i l c h u, do thi u s  h  tr  đ ng b  c a các ngành ngh  và s  l c h u c a ngành s n xu t, Vi t Nam c n nh p kh u thi t b  máy m c và linh ki n t  Trung Qu c. Nh ng n m 1980, khi Trung Qu c phát tri n ngành th ng m i gia công, ch  y u là gia công nguyên li u, ph i nh p kh u thi t b  c a Nh t B n, Hàn Qu c, sau khi gia công m i xu t kh u.

V  đ u t  b t đ ng s n, do kinh t  kh i s c, Vi t Nam đã m  c a th  tr ng b t đ ng s n v i các nhà đ u t  n c ngo i, nên giá nh    Vi t Nam c ng t ng khá nhanh. Ng i Hàn Qu c đ u t  vào th  tr ng b t đ ng s n c a Vi t Nam nhi u nh t, các nhà đ u t  Trung Qu c c ng đ ng t ng lên. Ng i Vi t Nam mua nhà đ c h ng quy n s  h u v nh vi n, nh ng nh ng ng i n c ngo i c  kh  n ng mua c n h  thì ch  c  quy n s  h u trong 50 n m, đ n k  h n c  th  ti p t c gia h n.

Theo báo cáo nghiên c u do Ngân hàng HSBC công b  n m 2016, đ n n m 2020, t ng l p trung l u c a Vi t Nam s  t ng lên đ n 33 tri u ng i. Vi c kinh t  kh i s c, dân s  t ng lên, t ng l p trung l u gia t ng và t  l  đô th  hóa khá th p là nguyên nh n quan tr ng khi n bên ngo i coi tr ng th  tr ng b t đ ng s n c a Vi t Nam.

Năm 2018, ngành du lịch của Việt Nam cũng có những bước tiến không ngừng, du khách quốc tế đến Việt Nam đạt mức kỷ lục, với 15,5 triệu người, tăng 19,9% so với năm 2017 (lưu ý du khách tăng hơn 2,6 triệu người), trong đó, chủ yếu là du khách châu Á, với 12,07 triệu lượt người, tăng 23,7% so với năm 2017.

Với bờ biển dài 3.260 km, Việt Nam có nguồn tài nguyên du lịch vào mùa đông rất tốt. Năm 2011, Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc đã công nhận Vịnh Hạ Long là 1 trong 7 kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới. Ngành du lịch của Việt Nam có tiềm năng phát triển tăng trưởng.

Hiện nay, các hoạt động khởi nghiệp của Việt Nam diễn ra khá sôi nổi. Năm 2016, có 110.000 doanh nghiệp mới thành lập; năm 2017, có 127.000 doanh nghiệp mới thành lập. Năm 2018 có 131.300 doanh nghiệp mới đăng ký trên cả nước, tăng vốn đăng ký là 147,81 triệu USD (khoảng 64,2 tỷ USD). Nếu tính cả số vốn đăng ký mới và vốn đầu tư bổ sung, thì năm 2018, các doanh nghiệp đã tăng thêm gần 390 triệu USD (169,5 tỷ USD) cho kinh tế phát triển.

Năm 2018, vốn FDI đã đầu tư vào 3046 dự án mới có vốn đăng ký là 17,976 tỷ USD. So với cùng kỳ năm 2017 số lượng dự án đã tăng 17,6%, nhưng vốn đăng ký giảm 15,5%.

Lạm phát tăng là một trở ngại của kinh tế Việt Nam. Trong hơn 10 năm qua, Việt Nam đã kiểm soát khá tốt tỷ lệ lạm phát. So với mức bình quân lạm phát của năm 2017, tỷ lệ lạm phát chỉ biến động quanh mức của năm 2018 tăng 1,48%.

Những năm gần đây, thu nhập bình quân của Việt Nam tăng khá nhanh. Năm 2018, thu nhập bình quân hàng tháng vào khoảng 3,76 triệu đồng (khoảng 160 USD), tăng 660.000 đồng (khoảng 26 USD) so với năm 2016. Thu nhập bình quân hàng tháng từ năm 2016-2018 tăng 10,2%.

Trên thực tế, cơ hội thực sự của Việt Nam nằm ở cuộc đổi mới của Trung Quốc và Mỹ, cũng như sự chuyển dịch ngành nghề trên toàn cầu. Mọi lĩnh vực chuyên dịch ngành nghề đều sẽ tạo ra một loạt ngành nghề mới và nhu cầu xuất khẩu hàng hóa mới. Những năm 1950-1960, Mỹ chuyển dịch các ngành nghề truyền thống như dệt

thép, dệt may sang Nhật Bản, v.v., làm cho kinh tế của hai nước này được phục hồi nhanh chóng, ngành sản xuất công nghiệp tìm kiếm được cơ hội phát triển quan trọng.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, sự chuyển dịch ngành nghề của nền kinh tế công nghiệp ở khu vực Đông Á bắt đầu với “sứ mệnh đầu tiên” là Nhật Bản, sau đó là “4 con rồng châu Á”, rồi đến “4 con hổ châu Á” và Trung Quốc đến lượt. Sự chuyển dịch ngành nghề trong mấy chục năm qua đã phác họa ra mô hình đàn sếu bay với sứ mệnh đầu tiên là Nhật Bản. Hiện nay, mô hình đàn sếu bay này vẫn đang tiếp diễn, các ngành nghề đang dần chuyển dịch từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Điều đáng chú ý là trong quá trình này, Nhật Bản liên tục xây dựng và chuyển đổi công nghệ mới với Mỹ. Và chuyển đổi công nghệ mới Nhật-Mỹ đã diễn ra nhanh sự chuyển dịch ngành nghề theo mô hình đàn sếu bay. Những năm 1950-1960, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh công nghệ mới với Nhật Bản trong ngành dệt may và gang thép, Nhật Bản bắt đầu chuyển đổi hai ngành nghề có ưu thế này ra nước ngoài.

Những năm 1970-1980, ngành điện tử và ô tô của Nhật Bản nổi lên, Mỹ lại thực hiện cuộc chiến công nghệ mới với hai ngành này. Hàn Quốc và Đài Loan đã nắm bắt cơ hội chuyển đổi ngành nghề lớn này, Hàn Quốc xây dựng ưu thế cạnh tranh trên toàn cầu trong ngành điện tử và ô tô, Đài Loan có ưu thế rõ rệt trong ngành điện tử và sản xuất chi tiết bán dẫn. Những năm 1980, để ngăn chặn Nhật Bản phát triển ngành sản xuất chi tiết bán dẫn, Mỹ bắt đầu ủng hộ Hàn Quốc và Đài Loan sản xuất chi tiết bán dẫn.

Ngay từ những năm 1960, các nhà sản xuất nước ngoài đã xây dựng nhà máy sản xuất chi tiết bán dẫn ở Hàn Quốc, tận dụng nhân công giá rẻ để lắp ráp các linh kiện điện tử. Tuy nhiên, chi tiết bán dẫn của Hàn Quốc bắt đầu thực sự phát triển vào những năm 1980.

Trong khi đó của và chuyển đổi công nghệ mới Mỹ-Nhật, Hàn Quốc đã tận dụng cơ hội lịch sự chuyển dịch ngành nghề và thay thế thế công nghệ mới lớn này. Các tập đoàn lớn như Samsung, LG, Hyundai và Daewoo đã chiếm lĩnh thu hút, mô phỏng theo công nghệ của Mỹ và Nhật Bản, đổ dồn nguồn đầu tư vào thị trường và nhân tài, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh về công nghệ. Hiện nay, Hàn Quốc đã chiếm 22% thị phần chi tiết bán dẫn trên toàn cầu, chỉ đứng sau Mỹ. Tập đoàn Samsung đã vượt tập đoàn Intel trở thành doanh nghiệp sản xuất chi tiết bán dẫn lớn nhất thế giới.

Mô hình tiếp nhận của Đài Loan khác với Hàn Quốc. Do thiêu số học tập vốn của các nhà tài phiệt, nên vốn của bên ngành sản xuất chất bán dẫn của Đài Loan được hỗ trợ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp nhận. Với số học tập của Công viên Khoa học Tân Trúc, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Đài Loan đã tận dụng ưu thế nhân công giá rẻ để bắt đầu trở thành nhà sản xuất phụ tùng gốc. Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất chất bán dẫn Đài Loan (TSMC) trở thành nhà sản xuất chất bán dẫn hàng đầu thế giới.

Liệu Việt Nam có trở thành Hàn Quốc hoặc Đài Loan tiếp theo?

Từ góc độ chuyển dịch ngành nghề, Việt Nam có cờ hời này. Cuộc đời sống thặng dư mới giữa Trung Quốc và Mỹ chắc chắn sẽ thúc đẩy chuỗi tái cấu trúc ngành nghề và chuyển dịch ngành nghề trên toàn cầu, Việt Nam có ưu thế tiếp nhận ngành nghề hơn so với Thái Lan, Indonesia, Philippines và Malaysia...

Hiện nay, Việt Nam có ưu thế rõ rệt về giá nhân công. Đó là lý do tập đoàn Samsung đã xây dựng nhà máy ở Việt Nam đồng thời chuyển dịch một phần nhà máy ở Trung Quốc sang Việt Nam. Kể từ năm 2008, tập đoàn Samsung đã bắt đầu tiến hành đầu tư vào Việt Nam, với mức đầu tư ban đầu là 670 triệu USD, đến tháng 4/2018, tổng mức đầu tư của Samsung vào Việt Nam lên đến 17,3 tỷ USD. Hiện nay, tập đoàn này đã xây dựng 8 nhà máy ở Việt Nam, chủ yếu sản xuất điện thoại di động và linh kiện điện tử. Kim ngạch xuất khẩu của tập đoàn Samsung ở Việt Nam trong năm 2017 đạt 54 tỷ USD, năm 2018 đạt hơn 60 tỷ USD, chiếm 25% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Ưu thế của tập đoàn Samsung đã thúc đẩy ngành sản xuất điện thoại di động và điện tử của Việt Nam phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam hình thành mảng lõi ngành nghề về điện thoại di động và linh kiện.

Ngoài tập đoàn Samsung, trong năm 2017 tập đoàn LG và Microsoft cũng lần lượt đầu tư 1,5 tỷ USD và 320 triệu USD vào Việt Nam, tập đoàn Apple đã chuyển một số trung tâm nghiên cứu ở châu Á đến Việt Nam, tập đoàn Foxconn cũng xây dựng nhà máy ở Việt Nam.

Ngoài Samsung và ngành điện tử, dệt may, mĩ và giày dép cũng là ngành chủ đạo

trong ngành sản xuất tại Việt Nam. Những đồng tiền đầu tiên mà nền kinh tế hàng hóa quốc gia Việt Nam kiếm được là từ xuất khẩu hàng dệt may.

Hiện nay, tập đoàn Feng Tay của Đài Loan là nhà sản xuất giày chổi lớn của tập đoàn Nike, tổng lượng giày thành phẩm trong năm 2018 là hơn 114 triệu đôi, trong đó, sản lượng giày ở các nhà máy tại Trung Quốc là 11,5 triệu đôi, chiếm 10%; sản lượng giày ở các nhà máy tại Việt Nam là 60 triệu đôi, chiếm 52%. Việt Nam là nơi sản xuất lớn nhất của tập đoàn Feng Tay, tập đoàn này còn xây dựng dây chuyền sản xuất mới ở khu công nghiệp Xuân Lộc (Đồng Nai).

Cuối cùng, Việt Nam có thể đạt đến một mức độ nhất định nào trong lĩnh vực dịch vụ ngành nghề này, có thể thúc đẩy ý tưởng chi tiêu lớn trở thành nguồn phát triển hay không, chủ yếu được quyết định ở những mặt sau:

Một là liệu Việt Nam có chào đón sự chuyển dịch ngành nghề bằng thái độ mở cửa hơn và bằng một chính sách ngoại giao đầy hứa hẹn hay không. Hiện nay, Chính phủ Việt Nam rất muốn mở cửa với nước ngoài, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với Mỹ, năm bắt các hội chợ sản phẩm của cuộc gặp Trump-Kim để thể hiện thái độ và sự tin cậy của Việt Nam.

Ngoài ra, một loạt hiệp định thương mại tự do như CPTPP, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu (EVFTA)... cũng sẽ thúc đẩy Việt Nam mở cửa kinh tế hơn nữa, đồng thời thu hút nhiều vốn nước ngoài hơn vào Việt Nam.

Sau khi CPTPP có hiệu lực vào năm 2019, hiệu ứng xuất khẩu của Việt Nam đã được thể hiện. Xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong quý I/2019 đạt 4,62 tỷ USD, tăng 6,68% so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng tháng của Việt Nam sang Nhật Bản liên tục tăng lên. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sang Nhật Bản hàng dệt may, công cụ vận tải và linh kiện, thủy sản.

Ngoài CPTPP, Việt Nam còn ký Hiệp định thương mại tự do với Nhật Bản, theo hiệp định này, Nhật Bản sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu cho phần lớn các mặt hàng thủy sản của Việt Nam. Nhật Bản là nước nhập khẩu nhiều thực phẩm, hàng dệt may, thủy sản và nông sản. Việt Nam đang cung cấp cho Nhật Bản hàng dệt may và thủy sản.

Hiện nay, tập đoàn bán lẻ lớn nhất của Nhật Bản là AEON đã đưa Việt Nam vào danh sách mua sắm toàn cầu. Điều kiện, xuất khẩu của Việt Nam sang Đông Á, nhất là Nhật Bản sẽ tiếp tục tăng lên.

Hai là liệu Việt Nam có chuyển đổi từ giá nhân công thành từ giá nhân công và đồng bộ ngành nghề hay không. Lợi thế về giá nhân công chỉ là ngắn hạn, từ thế thế của một nước lớn về ngành sản xuất nông nghiệp và sản đồng bộ ngành nghề. Trung Quốc gần đây đã xây dựng mạng lưới chuỗi ngành nghề đầy đủ trong ngành sản xuất, đây là ưu thế cạnh tranh hiếm có trên toàn cầu. Việt Nam không thể xây dựng mạng lưới chuỗi ngành nghề đầy đủ, nhưng có thể giống như Hàn Quốc, Đài Loan, lựa chọn một số ngành nghề chủ đạo, như điện tử, ô tô, dệt may... để xây dựng mạng lưới và sản đồng bộ ngành nghề.

Hiện nay, sản đồng bộ ngành nghề của Việt Nam từng đổi từ hậu, thị trường và lĩnh kiện của một số ngành nghề đầu tiên nhập khẩu từ Trung Quốc. Chỉ khi xây dựng được mạng lưới của sản hậu thị trường nguyên liệu phụ, lĩnh kiện, lắp ráp, thị trường máy móc trong ngành công nghiệp phụ trợ dần dần cũng, đồng sản, sân bay, cao tốc, viễn thông, điện lực trong ngành công nghiệp sản xuất ra các sản phẩm cuối cùng, Việt Nam mới có thể thế thế của có ưu thế cạnh tranh toàn cầu của ngành này.

Ưu thế của Chính phủ Việt Nam vào các sản hậu thị trường là rất đáng chú ý. Chuyên gia của Việt Nam cho biết Việt Nam đã đầu tư từng đổi lớn vào xây dựng các sản hậu thị trường, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài. Năm 2020, nguồn vốn mà Việt Nam cần để xây dựng các sản hậu thị trường là 480 tỷ USD.

Năm 2019, Chính phủ Việt Nam khởi đầu dự án nhà máy điện sông Hậu thuộc tỉnh Hậu Giang, dự án đồng cao tốc Bắc Giang-Lạng Sơn và dự án cao tốc nối Huế-Đà Nẵng.

Năm 2016, lượng du khách xuất nhập cảnh sân bay Tân Sơn Nhất tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước, lên đến 32,5 triệu lượt người. Thành phố Hồ Chí Minh đang xây mới sân bay, dự định lượng xuất nhập cảnh hàng năm sẽ lên đến 100 triệu lượt người.

Theo báo cáo cờa Ngân hàng thờ giời, chủi sờ hoờt đờng logistics (LPI) cờa Việt Nam trong nờm 2018 đờng thờ 39/160 quờc gia, tờng 25 bờc so vời nờm 2016, đờng thờ 3 trong các nờcc ASEAN, sau Singapore (đờng thờ 7) và Thái Lan (đờng thờ 32).

Nờm 2018, đờa vào tờn đờ phát triờn và chuyờn đời mờ hình cờa thờng mời đờn tờ và logistics, Chính phờ Việt Nam đờ ban hành Luờt quờn lý ngoời thờng, Luờt hời quan và luờt logistics khác, đờn giờn hóa trờnh tờ hời quan, triờn khai cờ chờ mờt cờa quờc gia đờ thờc ờng vời bời cờnh nhờt thờ hóa quờc tờ.

Ngoài ra, quờ thờ vờ bờn cờng nhờ cờng Hời Phòng, cờng ờ thờn phờ Hờ Chí Minh là cờ sờ hờ tờng quan trờng đờ Việt Nam phát triờn nờn kinh tờ hờng ngoời.

Ba là liờu Việt Nam có thờ tiờp tờc thúc đờy đời mời, duy trờ chính sách tờn tờ, tài chính và ngoời hời hờp lý không.

Chính sách ngoời hời có vai trò rờt quan trờng trong nờn kinh tờ hờng ngoời cờa Việt Nam. Hờn nay, chính sách mà Việt Nam sờ đờng là thờ nời tờ giá có quờn lý, tờ giá hời đờái sờ biờn đờng theo đờng USD và trong tờng lai có thờ đờng Việt Nam sờ tờng giá theo. Vờc đờng tờn cờa Việt Nam tờng giá chờc chờn sờ đờy mờnh xuờt khờu, ờ mờc đờ nhờt đờnh sờ làm suy yờu nờng lờc cờnh tranh cờa ngành sờn xuờt. Nờu vờc cời cách tờ giá hời đờái có thờ diờn ra mờt cách thuờn lời thì sờ tờo thuờn lời cho ngành sờn xuờt chờ tờo cờa Việt Nam có đờ thời gian cờn thiờt đờ cờng cờ phát triờn.

Ngoài ra, trong giai đờn 2012-2014, Việt Nam đờu trong tình trờng nhờp siêu thờng mời, nhờng kờ tờ nờm 2015, mời nờm đờ xuờt siêu tờ 2-3 tờ USD. Hờn nay, đờ trờ ngoời hời cờa Việt Nam đờ lên đờn hờn 60 tờ USD, xét vờ mờt quy mờ, đờ trờ ngoời hời cờa Việt Nam chờa phời ờ quá cao, nhờng có nờng lờc đờ phòng rời ro ngoời hời nhờt đờnh. Cờng vời nờng lờc thu ngoời tờ tờ xuờt khờu tờng lên, rời ro tờ nờ nờcc ngoài và tờn tờ cờa Việt Nam sờ giờm.

Kinh nghiờm phát triờn cờa các nờcc có nờn kinh tờ mời nời cho thờy Việt Nam cờn phời tránh rời ro mờ rờng tài chính và tờn tờ. Vờc Việt Nam xây đờng cờ sờ hờ tờng và khu công nghiờp cờn phời có nguờn vờn rờt lờn, mờ rờng tài chính đờ đờy nờ

c ng t ng cao. Năm 2018, t ng n  c ng c a Vi t Nam chi m 61,3% GDP, d  n  chi m 52% GDP, d  n  n  c ngo i chi m 49,7% GDP. Nhìn chung t  tr ng n  kh ng th p, nh ng t c   t ng l n trong nh ng n m qua    c ki m so t kh  t t.

N m 2010, Vi t Nam   th ng qua Lu t Ng n h ng Trung   ng, lu t n y quy  nh Ng n h ng nh  n  c Vi t Nam l   n v  ch  qu n ch nh s ch ti n t  c a c  n  c, ch  y u th ng qua vi c x c  nh c ng c  ch nh s ch ti n t  v  c c bi n ph p t  ng  ng      t    c m c  ch  n  nh gi  tr   ng n i t  v  gi  l m ph t   m c h p l y.

Sau khi Ng n h ng Trung   ng Vi t Nam x c  nh m c ti u c a ch nh s ch ti n t  l  t  l  l m ph t, th  l m ph t c a Vi t Nam gi m m nh, 10 n m g n  y  u duy tr    m c t  ng  i th p.  y l   i u r t hi m c   i v i m t n  c c  n n kinh t  m i ph t tri n.

N u Vi t Nam c  th  ti p t c duy tr  m  c a, ti p t c h i nh p tr t t  qu c t , th  quy t c qu c t  s  c  l i cho c i c ch trong n  c v  duy tr  ch nh s ch kinh t   n  nh.

Hi n nay, ch nh tr  trong n  c, ch nh s ch  i ngo i,  u th  v  nh n c ng c a Vi t Nam v  chuy n  ch ngành ngh  qu c t   u t o  i u ki n thu n l i cho Vi t Nam ph t tri n n n kinh t  h ng ngo i v  ngành s n su t.

D  t nh Vi t Nam s  s m tr  th n m t trong “4 con h  ch u  ”, nh ng ch a th  kh ng  nh c  th  ph t tri n  n c p   “4 con r ng ch u  ” hay kh ng. Suy cho c ng sau Chi n tranh th  gi i th  hai, ch  c  Nh t B n, H n Qu c, Singapore,  i Loan c  th  tr  th n n n kinh t  ph t tri n. Ph n l n c c n  c, trong   c  Mexico, Brazil, Argentina   M  Latinh v  “4 con h  ch u  ”  u  ng gi y  a trong b y thu nh p trung b nh.

   gia nh p h ng ng  c c n  c ph t tri n, Vi t Nam c n ph i  u t  nhi u h n v o gi o d c v  khoa h c c ng ngh , n ng cao t  ch t v  tr nh   nghiên c u khoa h c. Hi n nay, ng n s ch Vi t Nam gi nh cho ngành gi o d c chi m 5,7% GDP,  ng th  29 trong 126 qu c gia tr n toàn th  gi i.

Qu ng th i, l  qu c gia c  d n s  đ ng, Vi t Nam ph i duy tr i ph t tri n b t đ ng s n v  th  tr ng t i ch nh   m c đ  th ch h p. Ngo i ra, r i ro l n nh t c a n n kinh t  h ng ngo i l  nh ng t c đ ng ti u c c c a t i ch nh qu c t , do đ  Vi t Nam v n c n ph i c  m t ch t may m n.

T c gi  bài vi t l  Qinghe, t ng bi n t p trang b o Zhibenshe. Bài vi t đ c đ ng t i tr n trang [Dun Jiao](#).

H  L c (gt)